

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo
thuộc chương trình đại trà, chương trình đặc thù
trình độ Đại học tại Trường Đại học Tài chính- Marketing**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật số 34/2018/QH ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1138/QĐ-TTg ngày 04 tháng 8 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc Sáp nhập trường Cao đẳng Tài chính – Hải quan vào trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 về Phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo ngày 17 tháng 9 năm 2021;

Xét đề nghị của thường trực Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo và Trưởng phòng Quản lý khoa học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chuẩn đầu ra các ngành, chuyên ngành đào tạo thuộc chương trình đại trà, chương trình đặc thù trình độ Đại học của Trường Đại học Tài chính – Marketing (Danh sách đính kèm).

Điều 2. Chuẩn đầu ra này áp dụng cho chương trình đào tạo trình độ Đại học (các loại hình đào tạo: chính quy, vừa làm vừa học, liên thông...) đối với các ngành, chuyên ngành đào tạo tại Điều 1 từ khóa tuyển sinh năm 2021 trở đi.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trường các Phòng, Khoa, Trường các đơn vị có liên quan và sinh viên theo học chương trình đào tạo thuộc chương trình đại trà, chương trình đặc thù trình độ Đại học tại Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu (để biết);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT.



TS. Hoàng Đức Long

**DANH SÁCH CHUẨN ĐẦU RA CÁC NGÀNH, CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ, CHƯƠNG TRÌNH ĐẶC THÙ
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1495** /QĐ-ĐHTCM ngày **01** tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

STT	NGÀNH ĐÀO TẠO	CHUYÊN NGÀNH ĐÀO TẠO
1	Quản trị kinh doanh	Quản trị kinh doanh tổng hợp
		Quản trị bán hàng
		Quản trị dự án
2	Marketing	Quản trị Marketing
		Truyền thông marketing
		Quản trị thương hiệu
3	Kinh doanh quốc tế	Quản trị kinh doanh quốc tế
		Thương mại quốc tế
		Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu
4	Bất động sản	Kinh doanh Bất động sản
5	Tài chính – Ngân hàng	Tài chính doanh nghiệp
		Ngân hàng
		Tài chính bảo hiểm và đầu tư
		Thẩm định giá
		Thuế
		Tài chính công
6	Kế toán	Hải quan – Xuất nhập khẩu
		Kế toán doanh nghiệp
7	Ngôn ngữ Anh	Kiểm toán
8	Luật kinh tế	Tiếng Anh kinh doanh
9	Toán kinh tế	Luật đầu tư và kinh doanh
10	Quản trị khách sạn	Tài chính định lượng
11	Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống	Quản trị khách sạn
12	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Quản trị nhà hàng
		Quản trị lữ hành
13	Hệ thống thông tin quản lý	Quản trị tổ chức sự kiện
		Hệ thống thông tin kế toán
		Tin học quản lý
Tổng cộng: 13 ngành, 28 chuyên ngành đào tạo./.		

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH TỔNG HỢP
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh tổng hợp (General Business Administration)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Vận dụng được các phạm trù, các qui luật kinh tế chính trị, luật pháp kinh tế, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	3
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh.	3
	K3: Triển khai các hoạt động quản trị, kinh doanh trên nền tảng khoa học quản trị điều hành, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng và dự án.	3
	K4: Phân tích được các lĩnh vực cơ bản bao gồm các hoạt động quản trị, kinh doanh, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng, chuỗi cung ứng và dự án.	4
	K5: Đánh giá được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa để xác định các cơ hội và mối đe dọa đối với hoạt động kinh doanh.	5
	K6: Đánh giá các hoạt động quản trị điều hành và kinh doanh trong tổ chức.	5
	K7: Đề xuất các phương thức quản trị tích hợp các hoạt động trong tổ chức.	6
	K8: Đánh giá các dự án khởi nghiệp kinh doanh.	5
Kỹ năng	S1: Sử dụng được tiếng Anh giao tiếp kinh doanh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ban hành theo thông tư Số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/02/2014).	3

✓

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S2: Sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng, công nghệ thông tin và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh (đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ MOS - Word và Excel).	3
	S3: Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa.	4
	S4: Phối hợp sử dụng các nguồn lực của tổ chức một cách hiệu quả.	4
	S5: Nhận dạng và giải quyết tốt các vấn đề trong hoạt động quản trị, quản trị kinh doanh.	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	4
	A2: Có năng lực học tập lên cao và học tập suốt đời.	4
	A3: Tuân thủ các quy định về luật pháp, các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.	5
	A4: Có tinh thần phụng sự trong công việc, phụng sự đất nước.	4

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ BÁN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị bán hàng (Sales Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Vận dụng được các phạm trù, các qui luật kinh tế chính trị, luật pháp kinh tế, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	3
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh.	3
	K3: Triển khai các hoạt động quản trị, kinh doanh trên nền tảng khoa học quản trị điều hành, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng và dự án.	3
	K4: Phân tích được các lĩnh vực cơ bản bao gồm các hoạt động quản trị, quản trị kinh doanh, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng, chuỗi cung ứng và dự án.	4
	K5: Xây dựng các kế hoạch nhằm giải quyết các vấn đề quản trị bán hàng trong tổ chức.	5
	K6: Triển khai, kiểm soát các hoạt động quản trị bán hàng trong tổ chức.	5
	K7: Đề xuất phương thức quản trị tích hợp các hoạt động trong lĩnh vực bán hàng.	6
	K8: Thiết lập ý tưởng và triển khai đề án khởi sự kinh doanh sáng tạo.	5
Kỹ năng	S1: Sử dụng được tiếng Anh giao tiếp kinh doanh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ban hành theo thông tư Số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/02/2014)	3
	S2: Sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng, công nghệ thông tin và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề quản trị bán hàng (đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ MOS - Word và Excel).	3

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S3: Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa.	4
	S4: Phối hợp sử dụng các nguồn lực của tổ chức một cách hiệu quả.	4
	S5: Nhận dạng và giải quyết tốt các vấn đề trong hoạt động quản trị bán hàng.	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	4
	A2: Có năng lực học tập lên cao và học tập suốt đời.	4
	A3: Tuân thủ các quy định về luật pháp, các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong kinh doanh.	5
	A4: Có tinh thần phụng sự trong công việc, phụng sự đất nước.	4

✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ DỰ ÁN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1495/QĐ-ĐHTCM** ngày **01** tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh (Business Administration)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị dự án (Project Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Vận dụng được các phạm trù, các qui luật kinh tế chính trị, luật pháp kinh tế, các nguyên lý vận hành kinh tế vĩ mô và vi mô.	3
	K2: Vận dụng phương pháp luận khoa học để giải quyết các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh.	3
	K3: Triển khai các hoạt động quản trị, kinh doanh trên nền tảng khoa học quản trị điều hành, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng và dự án.	3
	K4: Phân tích được các lĩnh vực cơ bản bao gồm các hoạt động quản trị, kinh doanh, nhân sự, vận hành, bán hàng, kinh doanh quốc tế, chất lượng, chuỗi cung ứng và dự án.	4
	K5: Đánh giá được môi trường kinh doanh trong bối cảnh toàn cầu hóa để xác định các cơ hội đầu tư.	5
	K6: Đánh giá các hoạt động quản trị điều hành các dự án đầu tư.	5
	K7: Đề xuất các phương thức quản trị tích hợp cho các dự án đầu tư.	6
	K8: Đánh giá các dự án khởi nghiệp kinh doanh.	5
Kỹ năng	S1: Sử dụng được tiếng Anh giao tiếp kinh doanh trong môi trường kinh doanh toàn cầu (đạt bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc ban hành theo thông tư Số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24/02/2014).	3
	S2: Sử dụng hiệu quả các phần mềm ứng dụng, công nghệ thông tin và các công cụ thống kê để giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh và quản	3

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	trị dự án (đạt chứng chỉ Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc chứng chỉ MOS - Word và Excel).	
	S3: Hợp tác, làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu chung của tổ chức trong môi trường đa văn hóa.	4
	S4: Phối hợp sử dụng các nguồn lực của tổ chức một cách hiệu quả.	4
	S5: Nhận dạng và giải quyết tốt các vấn đề trong hoạt động quản trị, điều hành dự án.	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Có năng lực định hướng phát triển nghề nghiệp, phát triển bản thân.	4
	A2: Có năng lực học tập lên cao và học tập suốt đời.	4
	A3: Tuân thủ các quy định về luật pháp, các chuẩn mực về đạo đức và thực thi trách nhiệm xã hội trong quản trị dự án đầu tư.	5
	A4: Có tinh thần phụng sự trong công việc, phụng sự đất nước.	4

✓



**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MARKETING
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ MARKETING**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Marketing (Marketing)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị Marketing (Marketing Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng thang Bloom
Kiến thức	K1. Hiểu biết về khoa học xã hội, chính trị, tư tưởng, pháp luật.	2- Hiểu
	K2. Áp dụng được kiến thức lý thuyết rộng về ngành, thực tế vững chắc về marketing để đánh giá được môi trường, thị trường và đối thủ.	3- Áp dụng
	K3. Nắm vững các kiến thức cơ bản về toán, tin học, kinh tế, quản trị, kế toán, tài chính tiền tệ, toán, công nghệ thông tin, ngoại ngữ, đáp ứng yêu cầu công việc marketing và quản trị marketing.	3- Áp dụng
	K4. Phân tích được về môi trường marketing, thị trường, người tiêu dùng, làm cơ sở cho việc quản trị marketing ở cấp độ chiến lược.	5- Phân tích
	K5. Sáng tạo trong hoạch định, tổ chức thực thi, giám sát, kiểm tra, đo lường và đánh giá marketing ở cấp độ chiến thuật.	6- Sáng tạo
	K6. Vững vàng về quản lý, điều hành để có thể sáng tạo trong marketing, quản trị marketing và sáng tạo khởi nghiệp.	3- Sáng tạo
Kỹ năng	S1. Vững vàng về kỹ năng, phẩm chất chính trị, văn hoá xã hội để có thể áp dụng trong giải quyết các vấn đề phức tạp của marketing và quản trị marketing trong bối cảnh thay đổi.	6- Áp dụng
	S2. Nhuần nhuyễn về kỹ năng phân biện, phê phán và sử dụng các giải pháp marketing và quản trị marketing thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi liên tục và hội nhập quốc tế.	5- Sáng tạo
	S3. Thành thực về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc quản trị marketing sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	5- Đo lường
	S4. Truyền đạt một cách mạch lạc, tạo cảm hứng về vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng quản trị marketing.	3- Áp dụng
	S5. Thành thạo về kỹ năng để sáng tạo trong khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực và việc làm cho mình và cho người khác.	6- Sáng tạo
	S6. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc MOS để áp dụng trong công việc.	3- Áp dụng

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng thang Bloom
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự chủ, sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	6- Áp dụng
	A2. Tự định hướng, đánh giá được bối cảnh để đưa ra kết luận chuyên môn quản trị marketing và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	6- Đánh giá
	A3. Tự chủ trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động marketing và quản trị marketing.	6- Đo lường
	A4. Tự chủ trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing, quản trị marketing; xác định nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	6- Sáng tạo



**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MARKETING
CHUYÊN NGÀNH TRUYỀN THÔNG MARKETING**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **1495/QĐ-ĐHTCM** ngày tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Marketing (Marketing)

Tên chuyên ngành đào tạo: Truyền thông Marketing (Marketing Communication)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu biết rộng và sâu sắc kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.	II – Hiểu
	K2. Đạt được kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về marketing và truyền thông marketing để có thể phân tích, đánh giá về môi trường, doanh nghiệp/tổ chức, thị trường, khách hàng, đối thủ.	V – Đo lường, đánh giá
	K3. Kiến thức vững vàng về toán, thống kê và công nghệ thông tin, nghiên cứu và phân tích marketing đáp ứng yêu cầu công việc marketing, truyền thông marketing.	III – Áp dụng
	K4. Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo hướng đến tính hiệu quả, bền vững trong lập chiến lược, kế hoạch, tổ chức thực thi marketing và truyền thông marketing.	VI – Sáng tạo
	K5. Phát triển được khả năng kiểm tra, đánh giá hoạt động marketing, truyền thông marketing cho doanh nghiệp.	III – Áp dụng
	K6. Lĩnh hội được kiến thức vững vàng về quản lý, điều hành doanh nghiệp, hoạt động marketing và truyền thông marketing để đổi mới, sáng tạo và/hoặc hiện thực hoá khát vọng khởi nghiệp.	VI – Sáng tạo
Kỹ năng	S1. Đạt được kỹ năng cần thiết để có thể sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phức tạp của truyền thông marketing trong bối cảnh cạnh tranh và thay đổi.	VI – Sáng tạo
	S2. Vững vàng về kỹ năng để sáng tạo, hiệu quả trong quá trình thực thi công việc và/hoặc khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực và việc làm cho mình và cho người khác.	VI – Sáng tạo
	S3. Nhuần nhuyễn về kỹ năng tư duy phân biện, và sử dụng các giải pháp marketing và truyền thông marketing thay thế trong điều kiện môi trường vận động liên tục.	V – Đo lường, đánh giá

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S4. Thành thạo về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc (quá trình, kết quả thực hiện) marketing, truyền thông marketing và thành quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	V – Đo lường, đánh giá
	S5. Áp dụng được kỹ năng truyền đạt, tạo cảm hứng về giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Có năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng marketing, truyền thông marketing và thương hiệu.	III – Áp dụng
	S6. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	III – Áp dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; phát triển được năng lực chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	VI – Sáng tạo
	A2. Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing, truyền thông marketing; Có khả năng làm việc nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	VI – Sáng tạo
	A3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn marketing, truyền thông marketing, và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	VI – Sáng tạo
	A4. Sáng tạo trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả, bền vững các hoạt động marketing nói chung, truyền thông marketing nói riêng.	VI – Sáng tạo

u



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH MARKETING
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ THƯƠNG HIỆU

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495 QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Marketing (Marketing)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị thương hiệu (Brand Management)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu biết rộng và sâu sắc kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật.	II – Hiểu
	K2. Đạt được kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng về marketing và thương hiệu (branding) để có thể phân tích, đánh giá về môi trường, doanh nghiệp/tổ chức, thị trường, khách hàng, đối thủ.	V – Đo lường, đánh giá
	K3. Kiến thức vững vàng về toán, thống kê và công nghệ thông tin, nghiên cứu và phân tích marketing đáp ứng yêu cầu công việc marketing, marketing – branding.	III – Áp dụng
	K4. Vững vàng và sâu sắc về kiến thức và thực tiễn, sáng tạo hướng đến hiệu quả, bền vững trong lập chiến lược, kế hoạch, tổ chức thực thi các nhiệm vụ marketing và marketing – branding cho doanh nghiệp hoặc tổ chức.	VI – Sáng tạo
	K5. Phát triển được khả năng kiểm tra, đánh giá hoạt động marketing, marketing – branding cho doanh nghiệp.	III – Áp dụng
	K6. Lĩnh hội được kiến thức vững vàng về quản lý, điều hành doanh nghiệp, hoạt động marketing và marketing – branding để đổi mới, sáng tạo và/hoặc hiện thực hoá khát vọng khởi nghiệp.	VI – Sáng tạo
Kỹ năng	S1. Đạt được kỹ năng cần thiết để có thể sáng tạo trong giải quyết các vấn đề phức tạp trong quá trình xây dựng, bảo vệ và phát triển (giá trị/tài sản) thương hiệu của doanh nghiệp trong bối cảnh thay đổi.	VI – Sáng tạo
	S2. Vững vàng về kỹ năng để sáng tạo, hiệu quả trong quá trình thực thi công việc và/hoặc khởi nghiệp, dẫn dắt, tạo động lực và việc làm cho mình và cho người khác.	VI – Sáng tạo

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S3. Nhuần nhuyễn về kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp marketing, marketing – branding thay thế trong điều kiện môi trường thay đổi không ngừng.	V – Đo lường, đánh giá
	S4. Thành thạo về kỹ năng đánh giá chất lượng công việc (quá trình và kết quả thực hiện) marketing – branding và thành quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.	V – Đo lường, đánh giá
	S5. Áp dụng được kỹ năng truyền đạt, tạo cảm hứng về giải pháp tới người khác tại nơi làm việc. Có năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; khả năng thích nghi với môi trường công tác chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng marketing, marketing – branding.	III – Áp dụng
	S6. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	III – Áp dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Sáng tạo trong làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; phát triển được năng lực chịu trách nhiệm cá nhân với người khác và với xã hội.	VI – Sáng tạo
	A2. Thành thực trong hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ marketing, marketing – branding; Có khả năng làm việc nhóm trên tinh thần trách nhiệm xã hội và đạo đức nghề nghiệp.	VI – Sáng tạo
	A3. Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn marketing, marketing – branding, và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân, phát triển khả năng học tập suốt đời.	VI – Sáng tạo
	A4. Sáng tạo trong lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả, bền vững các hoạt động marketing nói chung, marketing – branding nói riêng.	VI – Sáng tạo

✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH QUỐC TẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế (International Business)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Administration)

Trình độ đào tạo: Đại học

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Giải thích được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và pháp luật để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.	- Hiểu
	K2: Thực hành được các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc liên quan nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế [đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Word, Excel)].	- Hiểu
	K3: Hệ thống được kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kinh tế và kinh doanh quốc tế; kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết chuyên sâu về quản trị kinh doanh quốc tế.	- Hiểu
	K4: Vận dụng kiến thức cơ bản lý thuyết và thực tiễn giải thích được cách thức thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp.	- Vận dụng
	K5: Phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh quốc tế tại doanh nghiệp.	- Phân tích - Đánh giá

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kỹ năng	S1: Chuyển tải, phân tích, phản biện, phổ biến các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	- Làm được
	S2: Truyền đạt, giám sát, quản trị các công việc được giao; dẫn dắt, hướng dẫn nghiệp vụ thương mại quốc tế cho người khác.	- Làm được
	S3: Vận dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ (tiếng Anh – bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) để giải quyết các công việc liên quan đến thực tiễn hoạt động nghề nghiệp.	- Làm được
	S4: Phối hợp việc thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp.	- Phối hợp
	S5: Phân tích, đánh giá, phản biện và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động quản trị kinh doanh quốc tế thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	- Thuần thực
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Thực hiện công việc một cách sáng tạo và độc lập, hoặc theo nhóm, đồng thời tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với công việc của nhóm. A2: Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc xác định. A3: Tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, đưa ra kết luận và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. A4: Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức.	- Đáp ứng - Tổ chức thực hiện - Hình thành giá trị - Đặc trưng hóa

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495 QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế (International Business)

Tên chuyên ngành đào tạo: Thương mại quốc tế (International Commerce)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Giải thích được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và pháp luật để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.	-Hiểu
	K2: Thực hành được các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc về nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế [đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Word, Excel)].	-Vận dụng
	K3: Hệ thống được kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kinh tế và kinh doanh quốc tế; kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết chuyên sâu về thương mại quốc tế.	-Hiểu
	K4: Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn để thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp.	-Vận dụng
	K5: Phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế tại doanh nghiệp.	-Phân tích -Đánh giá
Kỹ năng	S1: Chuyên tải, phân tích, phản biện, phổ biến các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	-Làm được
	S2: Truyền đạt, giám sát, quản trị các công việc được giao; dẫn dắt, hướng dẫn nghiệp vụ thương mại quốc tế cho người khác.	-Làm được
	S3: Vận dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ	-Làm được

✓

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	(tiếng Anh – bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) để giải quyết các công việc liên quan đến thực tiễn hoạt động nghề nghiệp. S4: Phối hợp việc thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ; chiến lược, kế hoạch kinh doanh trong nước và quốc tế tại doanh nghiệp. S5: Phân biện và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động thương mại quốc tế thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	-Phối hợp - Thuần thực
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Thực hiện công việc một cách sáng tạo và độc lập, hoặc theo nhóm, đồng thời tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với công việc của nhóm. A2: Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc xác định. A3: Tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, đưa ra kết luận và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. A4: Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức.	-Đáp ứng -Tổ chức thực hiện -Hình thành giá trị -Đặc trưng hóa

✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KINH DOANH QUỐC TẾ
CHUYÊN NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG TOÀN CẦU**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Kinh doanh quốc tế (International Business)
Tên chuyên ngành đào tạo: Logistics và Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu
(Global logistics and Supply chain management)
Trình độ đào tạo: Đại học

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Giải thích được các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin; đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; Tư tưởng Hồ Chí Minh; các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và pháp luật để tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp.	Hiểu
	K2: Thực hành được các kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc về nghiệp vụ quản trị kinh doanh quốc tế [đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Word, Excel)].	Vận dụng
	K3: Hệ thống được kiến thức lý thuyết cơ bản và toàn diện về kinh tế và kinh doanh quốc tế; kiến thức thực tế vững chắc và lý thuyết chuyên sâu về logistics và quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu.	Hiểu
	K4: Vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn để thiết lập, tổ chức thực hiện và quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng toàn cầu trong các doanh nghiệp.	Vận dụng
	K5. Phân tích, đánh giá và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động logistics, hoặc chuỗi cung ứng của doanh nghiệp từ thị trường trong nước ra thị trường nước ngoài và ngược lại.	Phân tích, Đánh giá
Kỹ năng	S1: Chuyên tải, phân tích, phân biện, phổ biến các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên kinh tế, chính trị, xã hội và pháp luật liên quan đến hoạt động nghề nghiệp.	Làm được
	S2: Truyền đạt, giám sát, quản trị các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng trong các doanh nghiệp; dẫn dắt, hướng dẫn nghiệp vụ về hàng hóa, vận hành kho hàng, giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu và thủ tục hải quan, lựa chọn phương tiện vận tải, cung cấp dịch vụ giá trị cho người khác.	Làm được
	S3: Vận dụng được công nghệ thông tin và ngoại ngữ	Làm được

Nội dung	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	(tiếng Anh – bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam) để giải quyết các công việc liên quan đến thực tiễn hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp. S4: Phối hợp việc thiết lập, tổ chức thực hiện và kiểm tra, kiểm soát các nghiệp vụ thu mua, tổ chức sản xuất, tổ chức phân phối sản phẩm và thu hồi sản phẩm lỗi trong một chuỗi cung ứng S5: Phản biện và đưa ra giải pháp giải quyết các vấn đề phát sinh từ thực tiễn hoạt động Logistics và chuỗi cung ứng tại doanh nghiệp	Phối hợp Thuần thực
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Thực hiện công việc một cách sáng tạo và độc lập, hoặc theo nhóm, đồng thời tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với công việc của nhóm. A2: Tổ chức hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các công việc xác định. A3: Tự định hướng hoạt động chuyên môn nghề nghiệp, đưa ra kết luận và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. A4: Tích cực, chủ động trong việc lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động của cá nhân, của nhóm và tổ chức.	Đáp ứng Tổ chức thực hiện Hình thành giá trị Đặc trưng hóa



CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH BẤT ĐỘNG SẢN
CHUYÊN NGÀNH KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN

((Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing))

Tên ngành đào tạo: Bất động sản (Real Estate)

Tên chuyên ngành đào tạo: Kinh doanh bất động sản (Real Estate Business)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Vận dụng được các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế	Mức 3 – Vận dụng
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế	Mức 3 – Vận dụng
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh doanh bất động sản	Mức 3 – Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế và các nguyên lý cơ bản trong lĩnh vực kinh tế - quản trị nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức ngành, chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh doanh bất động sản	Mức 3 – Vận dụng
	K5. Phân tích được các nguyên lý cơ bản của lĩnh vực bất động sản trong quá trình vận hành của thị trường bất động sản, hoạt động của các tổ chức kinh tế	Mức 4 – Phân tích
	K6. Khảo sát thực hiện được các nghiệp vụ và xác định được quy trình nghiệp vụ của tổ chức, doanh nghiệp	Mức 4 – Phân tích
	K7. Xây dựng được các quy trình, nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực Kinh doanh bất động sản trong thực tiễn hoạt động của các tổ chức, doanh nghiệp	Mức 5 – Tổng hợp
	K8. Đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực kinh doanh bất động sản trong thực tiễn.	Mức 6 – Đánh giá
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản.	Mức 2 – Vận dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S2. Nhận định chính xác vấn đề và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản.	Mức 3 – Chính xác
	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Kinh doanh bất động sản.	Mức 4 – Thành thạo
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc	Mức 5 – Kỹ xảo
	S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	Mức 4 – Thành thạo
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	Mức 4 – Tổ chức
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	Mức 4 – Tổ chức
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Mức 5 – Tính cách
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	Mức 5 – Tính cách

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính doanh nghiệp (Corporate Finance)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.	3. Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3. Vận dụng
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5. Tổng hợp
	K6. Phân tích được các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	4. Phân tích
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá.	5. Tổng hợp
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực doanh	6. Đánh giá

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	ngành/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá trong thực tiễn.	
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng
	S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	4. Phân tích
	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc	6. Đánh giá
	S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	3. Vận dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	5. Tổng hợp
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	4. Phân tích
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4. Phân tích
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	6. Đánh giá

✓

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**CHUẨN ĐÀU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH NGÂN HÀNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (Finance - Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Ngân hàng (Banking)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐÀU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.	3
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5
	K6. Phân tích được các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	4
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các ngân hàng.	5
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực ngân hàng trong thực tiễn.	6
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3
	S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên	4

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	
	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc	6
	S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	3
	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	4
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	6

✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH BẢO HIỂM VÀ ĐẦU TƯ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính Bảo hiểm và Đầu tư (Insurance Finance and Investment)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế	3. Vận dụng
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế	3. Vận dụng
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3. Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3. Vận dụng
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5. Tổng hợp
	K6. Phân tích các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	4. Phân tích
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các công ty bảo hiểm.	5. Tổng hợp

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các công ty bảo hiểm trong thực tiễn.	6. Đánh giá
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng
	S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	4. Phân tích
	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc.	6. Đánh giá
	S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	3. Vận dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	5. Tổng hợp
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	4. Phân tích
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4. Phân tích
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	6. Đánh giá



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH THẨM ĐỊNH GIÁ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Thẩm định giá (Valuation)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu, vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	Mức 3 - Ứng dụng
	K2. Hiểu, vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	Mức 3 – Vận dụng
	K3. Hiểu, vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.	Mức 3 - Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Mức 3 - Vận dụng
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	Mức 5 – Tổng hợp
	K6. Vận dụng, phân tích các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	Mức 4 – Phân tích
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá.	Mức 5 – Tổng hợp
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính	Mức 6 – Đánh giá

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá trong thực tiễn.	
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	Mức 2 – Vận dụng
	S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	Mức 3 – Chính xác
	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	Mức 4 – Thành thạo
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc	Mức 5 – Kỹ xảo
	S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	Mức 4 – Thành thạo
Mức tự chủ và chịu trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	Mức 4 - Tổ chức
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	Mức 4 - Tổ chức
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	Mức 5 – Tính cách
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	Mức 5 – Tính cách



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH – NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH THUẾ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính – Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Thuế (Taxation)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom, 1956)
Kiến thức	K1. Vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.	3. Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3. Vận dụng
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5. Tổng hợp
	K6. Phân tích được các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	4. Phân tích
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá.	5. Tổng hợp
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá trong thực tiễn.	6. Đánh giá

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom, 1956)
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng 4. Phân tích 3. Vận dụng
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	6. Đánh giá 3. Vận dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	5. Tổng hợp
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	4. Phân tích
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4. Phân tích
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	6. Đánh giá



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH CÔNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (Finance – Banking)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính công (Public Finance)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.	3. Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3. Vận dụng
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5. Tổng hợp
	K6. Phân tích được các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	4. Phân tích
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá.	5. Tổng hợp
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá trong thực tiễn.	6. Đánh giá

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng. S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng 4. Phân tích 3. Vận dụng
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	6. Đánh giá 3. Vận dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	5. Tổng hợp 4. Phân tích 4. Phân tích
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	6. Đánh giá

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG
CHUYÊN NGÀNH HẢI QUAN - XUẤT NHẬP KHẨU**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Tài chính - Ngân hàng (Finance - Banking)
Tên chuyên ngành đào tạo: Hải quan - Xuất nhập khẩu (Import Export - Customs)
Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom, 1956)
Kiến thức	K1. Vận dụng các kiến thức về Lý luận chính trị và khoa học xã hội cơ bản nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K2. Vận dụng được các kiến thức toán học, phân tích thống kê nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến lĩnh vực kinh tế.	3. Vận dụng
	K3. Vận dụng được các kiến thức về kinh tế học để vận dụng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng.	3. Vận dụng
	K4. Vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm đáp ứng việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	3. Vận dụng
	K5. Phân tích, tổng hợp được các thông tin, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng	5. Tổng hợp
	K6. Phân tích được các nghiệp vụ và xác định được quy trình vận hành của doanh nghiệp, ngân hàng, các tổ chức bảo hiểm và các tổ chức tài chính nhà nước	4. Phân tích
	K7. Phân tích, tổng hợp được các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính ngân hàng trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá.	5. Tổng hợp
	K8. Phân tích, tổng hợp, đánh giá được chính sách và các kế hoạch hoạt động chuyên môn của các lĩnh vực doanh nghiệp/ngân hàng/bảo hiểm/tài chính công/thuế/hải	6. Đánh giá

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom, 1956)
	quan-xuất nhập khẩu/thẩm định giá trong thực tiễn.	
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng
	S2. Phân tích và đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	4. Phân tích
Kỹ năng	S3. Thực hiện thành thạo các nghiệp vụ chuyên môn cụ thể thuộc lĩnh vực Tài chính-Ngân hàng.	3. Vận dụng
	S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt vấn đề, sáng tạo, chủ động trong giao tiếp và giải quyết công việc	6. Đánh giá
	S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	3. Vận dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp	5. Tổng hợp
	A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp.	4. Phân tích
	A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	4. Phân tích
	A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp	6. Đánh giá

✓

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN
CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-DHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Kế toán (Accounting)

Tên chuyên ngành đào tạo: Kế toán doanh nghiệp (Corporation Accounting)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	KÝ HIỆU	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1	Phân tích được các quan điểm và nguyên lý cơ bản về kế toán – kiểm toán	Mức 4 - Phân tích
	K2	Đánh giá được những nội dung cơ bản về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam.	Mức 5- Đánh giá
	K3	Tổ chức thực hiện các phương pháp và kỹ thuật kế toán để giải quyết các công việc thực tế phức tạp trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.	Mức 6 – Sáng tạo
	K4	Giải thích được các nội dung cơ bản về khoa học xã hội; những kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	Mức 2 – Hiểu
	K5	Vận dụng được các kiến thức quản lý, điều hành liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	Mức 3- Áp dụng
Kỹ năng	S1	Tích hợp kỹ năng công nghệ thông tin về tin học văn phòng và phần mềm ứng dụng nghề nghiệp để phục vụ công tác trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp, đạt năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel).	Mức 4 – Phối hợp
	S2	Làm chủ được kỹ năng tiếng Anh trong công việc, trình độ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	Mức 4 – Phối hợp

NỘI DUNG	KÝ HIỆU	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S3	Giải quyết thành thạo qui trình kế toán: thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính.	Mức 4 – Phối hợp
	S4	Kết hợp thành thạo các kỹ năng thuyết trình, phản biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm.	Mức 4 – Phối hợp.
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1	Đóng góp cho công tác xã hội, đoàn thể.	Mức 3 – Hình thành giá trị
	A2	Thể hiện tinh thần học tập để nâng cao trình độ; Hợp tác và giúp đỡ thành viên khác trong tập thể.	Mức 5 – Đặc trưng hóa các giá trị
	A3	Tiếp thu các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động.	Mức 5 – Đặc trưng hóa các giá trị
	A4	Hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp; Tác phong công nghiệp; Có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế – xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	Mức 4 – Tổ chức



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH KẾ TOÁN
CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495 QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Kế toán (Accounting)

Tên chuyên ngành đào tạo: Kiểm toán (Auditing)

Trình độ đào tạo: Đại học

Nội dung	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1	Phân tích được các quan điểm và nguyên lý cơ bản về kế toán – kiểm toán	Mức 4 - Phân tích
	K2	Đánh giá được những nội dung cơ bản về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực kiểm toán Việt Nam	Mức 5- Đánh giá
	K3	Tổ chức thực hiện các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán để giải quyết các công việc thực tế phức tạp trong lĩnh vực kiểm toán	Mức 6 – Sáng tạo
	K4	Giải thích được các nội dung cơ bản về khoa học xã hội; những kiến thức pháp luật có liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán	Mức 2 – Hiểu
	K5	Vận dụng được các kiến thức quản lý, điều hành liên quan đến lĩnh vực kế toán – kiểm toán	Mức 3- Áp dụng
Kỹ năng	S1	Tích hợp kỹ năng công nghệ thông tin về tin học văn phòng và phần mềm ứng dụng nghề nghiệp để phục vụ công tác trong lĩnh vực kiểm toán, đạt năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel).	Mức 4 – Phối hợp
	S2	Làm chủ được kỹ năng tiếng Anh trong công việc, trình độ đạt bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	Mức 4 – Phối hợp
	S3	Giải quyết thành thạo quy trình kiểm toán: Lập kế hoạch kiểm toán, thực hiện kiểm toán, kết thúc kiểm toán, theo dõi sau kiểm toán (nếu có).	Mức 4 – Phối hợp

Nội dung	Ký hiệu	Chuẩn đầu ra	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S4	Kết hợp thành thạo các kỹ năng thuyết trình, phân biện, tổng hợp, đánh giá các vấn đề thuộc chuyên môn nghiệp vụ; kỹ năng tổ chức, làm việc theo nhóm.	Mức 4 – Phối hợp
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1	Đóng góp cho công tác xã hội, đoàn thể.	Mức 3 – Hình thành giá trị
	A2	Thể hiện tinh thần học tập để nâng cao trình độ; hợp tác và giúp đỡ thành viên khác trong tập thể	Mức 5 – Đặc trưng hóa các giá trị
	A3	Tiếp thu các chuẩn mực đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động	Mức 5 – Đặc trưng hóa các giá trị
	A4	Hình thành phong cách làm việc chuyên nghiệp; tác phong công nghiệp; có khả năng thích ứng nhanh với sự thay đổi của kinh tế – xã hội, các yêu cầu của sự đổi mới trong lĩnh vực kế toán – kiểm toán.	Mức 4 – Tổ chức

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH NGÔN NGỮ ANH
CHUYÊN NGÀNH TIẾNG ANH KINH DOANH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Ngôn ngữ Anh (English Language)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tiếng Anh kinh doanh (Business English)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1 Biết, hiểu và vận dụng các kiến thức về triết học, chính trị, đường lối, pháp luật của Đảng và Nhà nước, kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, kiến thức quốc phòng và an ninh nhân dân trong học tập và cuộc sống.	Hiểu biết, áp dụng
	K2 Biết, hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về nghiên cứu khoa học, kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh doanh, về hệ thống quản trị cơ sở dữ liệu trong học tập và cuộc sống	Hiểu biết, phân tích, áp dụng
	K3 Hiểu, phân tích và áp dụng các kiến thức, kỹ năng tiếng Anh trong giao tiếp và học thuật (Nghe, Nói, Đọc, Viết) tương đương trình độ C1 theo khung tham chiếu Châu Âu.	Hiểu biết, phân tích, áp dụng, sáng tạo
	K4 Biết, hiểu kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ; nhận diện, phân tích các đơn vị, thành phần của ngôn ngữ Anh, kiến thức về xã hội, văn hóa, văn học Anh - Mỹ để có thể so sánh, đối chiếu những giá trị văn hóa giữa các nền văn hóa khác nhau và vận dụng chúng trong học tập và đời sống.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng
	K5 Hiểu, phân tích và áp dụng kiến thức ngôn ngữ, kỹ năng biên phiên dịch Việt - Anh, Anh - Việt trong các lĩnh vực kinh doanh thương mại.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	K6 Hiểu biết, phân tích được kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số hoạt động nghiệp vụ kinh tế, thương mại; hiểu biết về hệ thống thuật ngữ tiếng Anh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh, du lịch... để thực hiện các tình huống kỹ năng giao tiếp tiếng Anh có liên quan một cách trôi chảy, thông suốt.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	K7 Có kiến thức và kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hai - Tiếng Trung cấp độ 2 (sơ cấp) theo khung năng lực Ngoại Ngữ 6 bậc Việt Nam (tương đương A2 theo	Hiểu biết, áp dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA		Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
		khung CEFR) và vận dụng được để thực hiện được các tình huống giao tiếp bằng tiếng Trung.	
Kỹ năng	S1	Có kỹ năng giao tiếp, ứng xử, đàm phán, làm việc nhóm, thuyết trình... hình thành ở người học khả năng tự tin và hòa nhập được với tập thể và phát huy năng lực bản thân để làm việc hiệu quả.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	S2	Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ hai, tiếng Trung tương đương trình độ A2.	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	S3	Đạt năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học văn phòng chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Specialist) cấp độ Specialist (Microsoft Word, Microsoft Excel).	Hiểu biết, phân tích, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1	Có ý thức tổ chức kỷ luật, tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, chấp hành các quy định của tổ chức, đoàn thể.	Hiểu biết, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	A2	Có tinh thần trách nhiệm cao, ý thức hợp tác và cầu tiến, có tinh thần tập thể sẵn sàng tham gia các hoạt động phục vụ lợi ích chung của cộng đồng và xã hội.	Hiểu biết, đánh giá, áp dụng, sáng tạo
	A3	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, không ngừng nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng giao tiếp ngôn ngữ được đào tạo	Phân tích, áp dụng, sáng tạo

✓

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH LUẬT KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH LUẬT ĐẦU TƯ VÀ KINH DOANH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495 /QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Luật Kinh tế (Economic Law)

Tên chuyên ngành đào tạo: Luật Đầu tư và Kinh doanh (Law on Business and Investment)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu, vận dụng được các kiến thức cơ bản về Triết học, Lý luận chính trị, Khoa học Xã hội, Kinh tế học, Toán học, Tin học để phục vụ cho các công việc chuyên môn.	3
	K2. Hiểu, vận dụng, phân tích được nền tảng kiến thức cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Lịch sử hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật.	4
	K3. Hiểu, Vận dụng được các quy định của Hiến pháp, pháp luật Hình sự, pháp luật hành chính vào trong công việc hàng ngày	4
	K4. Hiểu, Vận dụng được quy định của pháp luật tổ tụng hình sự, tổ tụng hành chính và tổ tụng dân sự để phục vụ cho công việc	5
	K5. Hiểu, vận dụng, phân tích, đánh giá các quy định chung của pháp luật dân sự nói chung và quan hệ về kinh doanh thương mại nói riêng	5
	K6. Hiểu, vận dụng, phân tích và đánh giá được quy định của pháp luật về thương mại quốc tế, luật quốc tế và luật lao động để phục vụ cho công việc.	5
	K7 Phân tích, đánh giá quy định pháp luật về hợp đồng và sáng tạo trong đàm phán và xây dựng hợp đồng thương mại	5
	K8. Phân tích, đánh giá và tìm ra các phương án tối ưu nhất khi áp dụng các quy định pháp luật liên quan đến hoạt động đầu tư kinh doanh	6
Kỹ năng	S1. Thu thập, tổng hợp, phân tích, đánh giá thông tin và dự báo những tình huống có khả năng xảy ra trong tương lai và đưa ra được các giải pháp sáng tạo để giải quyết vấn đề	5

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S2. Thiết lập mạng lưới, mối quan hệ để phát triển trong lĩnh vực chuyên môn	5
	S3. Làm việc nhóm và ra quyết định trong việc lãnh đạo nhóm khi thực hiện công việc	5
	S4. Thực hành nghề nghiệp, đàm phán và soạn thảo hợp đồng thương mại	5
	S5. Giao tiếp bằng Tiếng Anh, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	5
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề và . rút ra được những nguyên tắc, quy luật trong giải quyết công việc	4
	A2 Có khả năng đáp ứng và thích nghi với môi trường làm việc trong các cơ quan, tổ chức có vốn đầu tư nước ngoài	4
	A3. Có khả năng đưa ra được những sáng kiến có giá trị và có khả năng đánh giá những sáng kiến có giá trị, quyết định về kế hoạch làm việc, quản lý các oạt động nghiên cứu...	4
	A4. Có năng lực lãnh đạo và có tầm ảnh hưởng tới định hướng phát triển chiến lược của tập thể	5

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH TOÁN KINH TẾ
CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH ĐỊNH LƯỢNG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Toán kinh tế (Mathematical Economics)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tài chính định lượng (Quantitative Finance)

Trình độ đào tạo: Đại học

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA (<i>Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp Đại học phải đạt Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>)
Kiến thức	K1. Có các kiến thức cơ bản về Lý luận chính trị và khoa học xã hội có liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. K2. Vận dụng được các kiến thức Toán học, Thống kê học để phân tích, đánh giá dữ liệu thống kê nhằm hỗ trợ cho việc đưa ra quyết định cho những vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. K3. Có kiến thức về kinh tế học làm nền tảng cho việc tiếp nhận và phân tích những vấn đề liên quan trong lĩnh vực kinh tế - Tài chính. K4. Có khả năng vận dụng được các kiến thức kinh tế nhằm hỗ trợ cho việc tiếp thu kiến thức chuyên ngành và giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. K5. Có khả năng thu thập thông tin, xử lý dữ liệu, viết báo cáo, truyền đạt kết quả và đưa ra các kiến nghị nhằm giải quyết vấn đề liên quan đến lĩnh vực Tài chính định lượng. K6. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ thống kê và phân tích số chuyên sâu để giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. K7. Hiểu và vận dụng tốt các nghiệp vụ chuyên sâu của lĩnh vực tài chính định lượng, trong thực tiễn hoạt động của các doanh nghiệp. K8. Có khả năng phân tích và hoạch định các kế hoạch hoạt động chuyên môn của lĩnh vực tài chính định lượng trong thực tiễn.
Kỹ năng	S1. Vận dụng được kiến thức lý luận vào thực tiễn công việc thuộc lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. S2. Dự báo các vấn đề liên quan đến lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. S3. Thực hiện thành thạo các phương pháp định lượng trong lĩnh vực Kinh tế - Tài chính. S4. Quản trị nhóm, ra quyết định, truyền đạt, sáng tạo, giao tiếp và giải quyết công việc. S5. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA <i>(Chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp Đại học phải đạt Bậc 6 của Khung trình độ quốc gia Việt Nam được phê duyệt tại Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)</i>
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Tự định hướng cho bản thân để thích nghi với công việc, phát triển nghề nghiệp A2. Tự xây dựng kế hoạch học tập, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức và tích lũy kinh nghiệm chuyên môn nghề nghiệp. A3. Tôn trọng nguyên tắc làm việc nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm A4. Tuân thủ nguyên tắc, đạo đức nghề nghiệp. 

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Quản trị khách sạn (Hospitality Management)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị khách sạn (Hospitality Management)

Trình độ đào tạo: Đại học (Theo cơ chế đặc thù)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (Theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội và pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế, xã hội nói chung và du lịch nói riêng; K2. Mô tả được những kiến thức thực tế một cách vững chắc và sâu rộng về lĩnh vực khách sạn, đáp ứng được những yêu cầu của các công việc tại khách sạn; K3. Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin ứng dụng trong ngành khách sạn bao gồm kiến thức về tin học đại cương và một số phần mềm sử dụng trong ngành khách sạn; K4. Giải thích được những kiến thức về Anh ngữ phục vụ cho giao tiếp xã hội và cho công việc tại khách sạn; K5. Giải thích được quy trình xây dựng kế hoạch, tổ chức và giám sát được các quy trình hoạt động thuộc lĩnh vực khách sạn như lễ tân, phòng, dịch vụ ẩm thực, nhân sự, marketing... để có thể hòa nhập tốt vào các vị trí thuộc công việc tác nghiệp và công tác quản lý tại các cơ sở quốc tế về kinh doanh dịch vụ lưu trú, ăn uống, vui chơi, giải trí, tổ chức sự kiện và các lĩnh vực khác thuộc ngành du lịch; K6. Phát triển được kỹ năng giao tiếp cá nhân và phương thức ứng dụng một cách hiệu quả trong môi trường kinh doanh quốc tế;	- Mức 2.
Kỹ năng	S1. Thực hiện được các nghiệp vụ và xây dựng, đánh giá được các quy trình tiêu chuẩn dịch vụ về nghiệp vụ và quản lý trong khách sạn như công việc thuộc bộ phận lễ tân, bộ phận phục vụ phòng khách sạn, bộ phận ẩm thực, bộ phận nhân sự, bộ phận kinh doanh và bộ phận bếp; S2. Thực hiện được công việc đào tạo tại khách sạn bao gồm công việc truyền đạt, phổ biến kiến thức, kỹ	- Mức 3, 6.

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (Theo chuẩn thang đo Bloom)
	năng cho nhân viên thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. S3. Giải quyết được những tình huống thường gặp trong công việc, đảm bảo quy trình công việc luôn hoạt động hiệu quả và tương thích với sự biến đổi của ngành khách sạn; S4. Đánh giá được chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm; S5. Thực hiện được một công trình nghiên cứu khoa học ở quy mô vừa và nhỏ; S6. Sử dụng được phần mềm quản lý khách sạn phục vụ cho công việc; Đạt năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS. S7. Sử dụng được Anh ngữ chuyên ngành khách sạn phục vụ cho công việc. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam S8. Thực hiện được công việc khởi nghiệp, tự tạo việc làm cho mình và cho người khác;	
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Thực hiện được các công việc yêu cầu làm việc độc lập hoặc theo nhóm, chịu được áp lực công việc, tự chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm và với cộng đồng; A2. Thực hiện được công việc hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện những nhiệm vụ đã được xác định trước; A3. Xây dựng được khả năng tự định hướng, đưa ra được kết luận chuyên môn và bảo vệ quan điểm cá nhân; A4. Xây dựng được kế hoạch, điều phối, quản lý được các nguồn lực, đánh giá và cải thiện được hiệu quả các hoạt động liên quan đến nghề nghiệp.	- Mức 3, 6.

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG VÀ DỊCH VỤ ĂN UỐNG
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ NHÀ HÀNG**

*Ban hành kèm theo Quyết định số: 1195/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)*

Tên ngành đào tạo: Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống (Restaurant, Food and Beverage Service Management)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị nhà hàng (Restaurant Management)

Trình độ đào tạo: Đại học (Theo cơ chế đặc thù)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (Theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Có hiểu biết cơ bản về chính trị, văn hóa, kinh tế, xã hội, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	Mức 1: Có hiểu biết
	K2. Nắm bắt tình hình kinh tế; hiểu biết về Quản trị kinh doanh; tính toán trong phục vụ và quản lý kinh tế; thực hiện được tin học văn phòng; và tiếng anh giao tiếp căn bản.	Mức 1: Nắm bắt
	K3. Thực hiện được các quy trình nghiệp vụ cơ bản ở ba bộ phận chính trong nhà hàng: nghiệp vụ phục vụ; nghiệp vụ pha chế đồ uống; và nghiệp vụ chế biến món ăn.	Mức 2: Thực hiện
	K4. Thực hiện được các tác nghiệp cơ bản thuộc các bộ phận trong nhà hàng như nguồn nhân lực trong nhà hàng; tiếp thị và bán trong nhà hàng; tổ chức tiệc;...	Mức 2: Thực hiện
	K5. Có khả năng giải quyết các tình huống thường gặp trong nhà hàng như: các tình huống thực tiễn ở bộ phận phục vụ món ăn, pha chế thức uống, chế biến món ăn, giao tế công cộng và giao tiếp chuẩn mực trong nhà hàng.	Mức 3: Giải quyết
	K6. Giới thiệu được ý nghĩa của món ăn, thức uống khi phục vụ.	Mức 3: Giới thiệu ý nghĩa
	K7. Biết quản trị bar, nhà hàng; Đầu tư nhà hàng; Tạo lập doanh nghiệp dịch vụ du lịch kinh doanh trong lĩnh vực ăn uống, mở quán bar, nhà hàng,	Mức 5: Biết quản trị; Tạo lập

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (Theo chuẩn thang đo Bloom)
Kỹ năng	S1. Thực hiện nghiệp vụ: phục vụ chuyên nghiệp và thực hiện các quy trình đúng chuyên môn trong phục vụ; biết cách chế biến món ăn; biết pha chế đồ uống. S2. Giải quyết được các tình huống thường gặp ở các khu vực: nhà hàng, bar, bếp và biết làm hài lòng khách hàng, biết cách giao tiếp, hợp tác làm việc với các bộ phận trong nhà hàng.	Mức 2: Thực hiện Mức 3: Giải quyết
	S3. Đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng đồ ăn, thức uống trong nhà hàng. S4. Khả năng quản lý: quản lý nhân sự nhà hàng, quản lý bar, quản lý chuỗi cung ứng thực phẩm, quản trị ẩm thực, quản trị đầu tư kinh doanh nhà hàng, S5. Thuần thục việc soạn thảo văn bản, thư điện tử, trả lời điện thoại, chuyển tin nhắn, tiếp cận công nghệ thông tin trong phục vụ nhà hàng. S6. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương; Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS. S7. Biết phối hợp làm việc theo nhóm, phân công và làm việc theo nhóm, sắp xếp được lịch làm việc theo ca.	Mức 5: Đảm bảo Mức 1: Khả năng Mức 4: Thuần thục Mức 3 Mức 6: Phối hợp; phân công; sắp xếp
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Có đạo đức, sức khỏe tốt. A2. Có ý thức trách nhiệm công dân, chấp hành pháp luật và các nội quy, quy định tại nơi làm việc. Có ý thức tổ chức kỷ luật, đảm bảo chất lượng phục vụ và mang lại sự hài lòng đối với khách hàng (khách du lịch). A3. Tác phong làm việc chuyên nghiệp, có năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm đối với nhiệm vụ được giao; Nghiêm túc, nhiệt tình trong công việc.	Mức 5: Có...tốt Mức 2: Có ý thức Mức 4: Làm việc chuyên nghiệp; Tự chủ, tự chịu trách nhiệm

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (Theo chuẩn thang đo Bloom)
	A4. Tự bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn và rèn luyện để đáp ứng tốt yêu cầu của công việc. Có hoài bão và thăng tiến trong nghề nghiệp.	Mức 5: Đáp ứng tốt

✓

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ LỮ HÀNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Travel and Tourism Management)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị lữ hành (Travel Management)

Trình độ đào tạo: Đại học (Theo cơ chế đặc thù)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA NGƯỜI HỌC (Theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1: Hiểu biết các nội dung về lý luận chính trị; các kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước vận dụng trong ngành Du lịch...	Mức 2: Hiểu
	K2: Vận dụng được kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong kinh doanh lữ hành, khách sạn và tổ chức sự kiện.	Mức 3: Áp dụng
	K3: Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp trong kinh doanh du lịch và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	K4: Diễn giải được các vấn đề lý luận cơ bản về du lịch để áp dụng vào hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành và kinh doanh du lịch	Mức 3: Áp dụng
	K5: Hiểu biết kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh chuyên ngành du lịch và tổ chức sự kiện.	Mức 2: Hiểu
	K6: Có năng lực phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định chính sách kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng; tham gia tổ chức các sự kiện lớn.	Mức 4: Phân tích
	K7: Nắm bắt được các xu hướng đương đại trong ngành du lịch bao gồm cả phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội, các loại hình du lịch đặc thù.	Mức 3: Áp dụng
	K8: Vận dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và ứng dụng trong du lịch nói riêng, từ những phương pháp truyền	Mức 3: Áp dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA NGƯỜI HỌC (Theo chuẩn thang đo Bloom)
	thống định tính đến những phương pháp hiện đại có sử dụng các công cụ, thiết bị, phần mềm tin học.	
	K9: Vận dụng thành thạo ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành vận dụng trong lĩnh vực du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	S1: Lập kế hoạch, đặt mục tiêu, định hướng hành động cho nghề nghiệp bản thân và phân loại được công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất	Mức 3: Áp dụng
Kỹ năng	S2: Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập và thành công trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị kinh doanh của ngành du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	S3: Vận dụng được linh hoạt kiến thức vào điều kiện thực tế công việc như xây dựng, tổ chức chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	S4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp. Sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ chuyên ngành du lịch; Đạt năng lực ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc năng lực tin học cấp độ MOS.	Mức 3: Áp dụng
	S5: Sử dụng linh hoạt ngoại ngữ chuyên ngành du lịch, lễ hành, sự kiện. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	Mức 3: Áp dụng
	S6: Xác định được vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực du lịch như du lịch và kinh tế, xã hội, chính trị.	Mức 5: Đánh giá
	S7: Có ý thức thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để ứng dụng vào giải quyết những vấn đề, sự kiện nảy sinh trong hoạt động du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	S8: Phân tích được hành vi ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp, làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành	Mức 4: Phân tích
	S9: Tổ chức thực hiện công việc thông qua sự điều khiển, phân công trong nhóm và tập thể	Mức 4: Phân tích
	S10: Áp dụng linh hoạt kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng khi xây dựng bài thuyết minh hướng dẫn hay khi lập kế hoạch, dự án kinh doanh trong ngành du lịch.	Mức 3: Áp dụng

✓

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA NGƯỜI HỌC (Theo chuẩn thang đo Bloom)
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	Mức 3: Áp dụng
	A2: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	Mức 3: Áp dụng
	A3: Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	Mức 6: Sáng tạo
	A4: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ.	Mức 5: Đánh giá
	A5: Lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	Mức 4: Phân tích
	A6: Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	Mức 5: Đánh giá

✓

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH
CHUYÊN NGÀNH QUẢN TRỊ TỔ CHỨC SỰ KIỆN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Travel and Tourism Management)

Tên chuyên ngành đào tạo: Quản trị tổ chức sự kiện (Event Management)

Trình độ đào tạo: Đại học (Theo cơ chế đặc thù)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA NGƯỜI HỌC
Kiến thức	K1: Hiểu biết các nội dung về lý luận chính trị; các kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và Nhà nước vận dụng trong ngành Du lịch...	Mức 2: Hiểu
	K2: Vận dụng được kiến thức cơ bản của khoa học quản lý trong kinh doanh du lịch, đặc biệt trong kinh doanh lữ hành, khách sạn và tổ chức sự kiện.	Mức 3: Áp dụng
	K3: Vận dụng được kiến thức liên ngành về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, địa lý, khoa học công nghệ, luật pháp trong các hoạt động tổ chức sự kiện và góp phần tích cực vào nghiên cứu, phát triển du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	K4: Diễn giải được các vấn đề lý luận cơ bản về du lịch để áp dụng vào hoạt động nghiên cứu, tổ chức, quản lý, điều hành và kinh doanh tổ chức sự kiện.	Mức 3: Áp dụng
	K5: Hiểu biết kiến thức chuyên môn về quản trị kinh doanh chuyên ngành tổ chức sự kiện.	Mức 2: Hiểu
	K6: Có năng lực phân tích môi trường kinh doanh, hoạch định chính sách kinh doanh du lịch, khách sạn và nhà hàng; tham gia tổ chức các sự kiện lớn.	Mức 4: Phân tích
	K7: Nắm bắt được các xu hướng đương đại trong ngành du lịch bao gồm cả phát triển du lịch bền vững, có trách nhiệm với môi trường và xã hội, các hoạt động tổ chức sự kiện đặc thù.	Mức 3: Áp dụng
	K8: Vận dụng được những phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và ứng dụng trong tổ chức sự kiện nói riêng, từ những phương pháp truyền thống định tính đến	Mức 3: Áp dụng

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA NGƯỜI HỌC
	những phương pháp hiện đại có sử dụng các công cụ, thiết bị, phần mềm tin học.	
	K9: Vận dụng thành thạo ngoại ngữ cơ bản và chuyên ngành vận dụng trong lĩnh vực tổ chức sự kiện	Mức 3: Áp dụng
Kỹ năng	S1: Lập kế hoạch, đặt mục tiêu, định hướng hành động cho nghề nghiệp bản thân và phân loại được công việc đảm bảo nguyên tắc, quy trình làm việc tốt nhất	Mức 3: Áp dụng
	S2: Thành thạo kỹ năng làm việc độc lập và thành công trong các cơ quan quản lý nhà nước cũng như các đơn vị kinh doanh của ngành du lịch.	Mức 3: Áp dụng
	S3: Vận dụng được linh hoạt kiến thức vào điều kiện thực tế công việc như xây dựng, tổ chức và điều hành các hoạt động tổ chức sự kiện	Mức 3: Áp dụng
	S4: Ứng dụng công nghệ thông tin trong nghề nghiệp, sử dụng thành thạo các phần mềm phục vụ chuyên ngành tổ chức sự kiện. Đạt chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc tin học cấp độ MOS.	Mức 3: Áp dụng
	S5: Sử dụng linh hoạt ngoại ngữ chuyên ngành tổ chức sự kiện. Đạt mức năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	Mức 3: Áp dụng
	S6: Xác định được vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề trong lĩnh vực du lịch như du lịch và kinh tế, xã hội, chính trị.	Mức 5: Đánh giá
	S7: Có ý thức thu thập, tổng hợp, phân tích, xử lý thông tin để ứng dụng vào giải quyết những vấn đề, sự kiện nảy sinh trong hoạt động tổ chức sự kiện.	Mức 3: Áp dụng
	S8: Phân tích được hành vi ứng xử, kỹ năng của các đối tượng giao tiếp, làm việc trong các lĩnh vực khác nhau của ngành	Mức 4: Phân tích
	S9: Tổ chức thực hiện công việc thông qua sự điều khiển, phân công trong nhóm và tập thể	Mức 4: Phân tích
	S10: Áp dụng linh hoạt kỹ năng lập luận, sắp xếp ý tưởng khi xây dựng bài thuyết minh hướng dẫn hay khi lập kế hoạch, dự án kinh doanh trong ngành du lịch.	Mức 3: Áp dụng
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1: Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao.	Mức 3: Áp dụng



NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG CỦA NGƯỜI HỌC
	A2: Tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm, nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.	Mức 3: Áp dụng
	A3: Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	Mức 6: Sáng tạo
	A4: Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ.	Mức 5: Đánh giá
	A5: Lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.	Mức 4: Phân tích
	A6: Có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.	Mức 5: Đánh giá

✓



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
CHUYÊN NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1495/QĐ-DHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

Tên ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System)

Tên chuyên ngành đào tạo: Hệ thống thông tin kế toán (Accounting Information System)

Trình độ đào tạo: Đại học (Theo cơ chế đặc thù)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu rõ kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	Mức 2
	K2. Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin, kế toán đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn.	Mức 4
	K3. Có kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin.	Mức 5
	K4. Có kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở liên quan đến hệ thống thông tin kế toán.	Mức 6
	K5. Có kiến thức về an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính để lựa chọn giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống thông tin kế toán.	Mức 4
	K6. Có kiến thức để quản lý các đề án, dự án và nhóm đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin kế toán	Mức 4
	K7. Có kiến thức về các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực được ứng dụng trong lĩnh vực kế toán doanh nghiệp.	Mức 4
Kỹ năng	S1. Kỹ năng thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin	Mức 4
	S2. Kỹ năng lập phương án tổ chức, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin kế toán cho tổ chức, doanh nghiệp	Mức 5
	S3. Kỹ năng quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống thông tin kế toán phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp	Mức 4
	S4. Đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các bài toán liên quan đến lĩnh vực kế toán trong thực tiễn	Mức 6
	S5. Kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm để xây dựng ứng dụng	Mức 5

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	S6. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng để hoàn thành công việc	Mức 4
	S7. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	Mức 3
Mức tự chủ và trách nhiệm	A1. Có hiểu biết về nhu cầu và khả năng định hướng nghề nghiệp	Mức 4
	A2. Có năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo khi tham gia xây dựng và triển khai hệ thống thông tin kế toán tại doanh nghiệp	Mức 6
	A3. Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật, ý thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp	Mức 6
	A4. Có ý thức tự học, cầu tiến, cầu thị và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Mức 6
	A5. Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	Mức 3
	A6. Có sức khỏe tốt và ý thức công dân để đạt được năng lực tự chịu trách nhiệm công dân	Mức 3
	A7. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	Mức 5

CHUẨN ĐẦU RA NGÀNH HỆ THỐNG THÔNG TIN QUẢN LÝ
CHUYÊN NGÀNH TIN HỌC QUẢN LÝ
(Ban hành kèm theo Quyết định số 495/QĐ-ĐHTCM ngày 01 tháng 9 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính - Marketing)

Tên ngành đào tạo: Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System)

Tên chuyên ngành đào tạo: Tin học quản lý (Management Informatics)

Trình độ đào tạo: Đại học (Theo cơ chế đặc thù)

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
Kiến thức	K1. Hiểu rõ kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	Mức 2
	K2. Vận dụng kiến thức về công nghệ thông tin, hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu công việc trong thực tiễn.	Mức 4
	K3. Có kiến thức chuyên sâu về phân tích, thiết kế, mô hình hóa, quản trị hệ thống thông tin	Mức 5
	K4. Có kiến thức chuyên sâu về các hệ quản trị cơ sở dữ liệu; hệ thống ERP và tổ chức kho dữ liệu, khai khoáng dữ liệu	Mức 6
	K5. Có kiến thức về an toàn và bảo mật các hệ thống thông tin và mạng máy tính để lựa chọn giải pháp đảm bảo an toàn, bảo mật hệ thống thông tin	Mức 4
	K6. Có kiến thức để quản lý các đề án, dự án và nhóm đề án khi xây dựng và triển khai các hệ thống thông tin	Mức 4
	K7. Có kiến thức về các ngôn ngữ lập trình được ứng dụng trong lĩnh vực quản trị tổ chức, doanh nghiệp	Mức 4
Kỹ năng	S1. Kỹ năng thu thập, xử lý và tổng hợp thông tin	Mức 4
	S2. Kỹ năng lập phương án tổ chức, phân tích và thiết kế hệ thống thông tin cho tổ chức, doanh nghiệp	Mức 5
	S3. Kỹ năng quản trị cơ sở dữ liệu, quản trị hệ thống thông tin phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp	Mức 5
	S4. Đề xuất các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin giải quyết các bài toán liên quan đến các hoạt động trong thực tiễn	Mức 6
	S5. Kỹ năng sử dụng thành thạo các công cụ phần mềm để xây dựng ứng dụng	Mức 5
	S6. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyên tài, phổ	Mức 4

NỘI DUNG	CHUẨN ĐẦU RA	Mức độ đáp ứng của người học (theo chuẩn thang đo Bloom)
	biến kiến thức, kỹ năng để hoàn thành công việc	
	S7. Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam	Mức 3
	A1. Có hiểu biết về nhu cầu và khả năng định hướng nghề nghiệp	Mức 4
	A2. Có năng lực nghiên cứu độc lập và làm việc nhóm, tư duy, sáng tạo khi tham gia các dự án phần mềm	Mức 6
	A3. Có phẩm chất đạo đức, kỷ luật, ý thức về trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp và tác phong công nghiệp	Mức 6
Mức tự chủ và trách nhiệm	A4. Có ý thức tự học, cầu tiến, cầu thị và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Mức 6
	A5. Có khả năng thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	Mức 6
	A6. Có sức khỏe tốt và ý thức công dân để đạt được năng lực tự chịu trách nhiệm công dân	Mức 3
	A7. Có khả năng hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định	Mức 5